

Ảnh hưởng của một số yếu tố văn hóa trong sự tăng trưởng kinh tế tại các làng xã châu thổ sông Hồng

LÊ MẠNH NĂM

I. Mở đầu

Đi tìm những nguồn nội lực, vai trò động lực của văn hóa làng xã trong sự phát triển kinh tế - xã hội là đòi hỏi đang đặt ra khi đất nước bước vào hội nhập quốc tế. Đây là hướng tìm tòi mới, thể hiện cách tiếp cận mới chưa mấy quen thuộc, nên cũng sẽ gặp nhiều khó khăn.

Khó khăn trước hết là phải chỉ ra các yếu tố, các hình thức mà văn hóa có thể biểu thị ngay trong đời sống sinh hoạt thường ngày của làng xã. Để từ đó mà lần tìm ra mối quan hệ ảnh hưởng qua lại và chi phối giữa cái văn hóa với mức tăng trưởng kinh tế, chẳng hạn.

Đồng thời, khi xem xét văn hóa ở khía cạnh giá trị, chúng tôi cũng cho rằng: *Văn hóa là hệ thống các giá trị mà những nội lực, động lực của nó là có thể nhận thấy thông qua vai trò chi phối của các giá trị đó trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.*

Giá trị văn hóa là cái thường gắn với truyền thống, có sức ổn định lâu dài. Tất nhiên, không được tuyệt đối hóa, nhìn giá trị văn hóa là cái không thay đổi. Hơn thế, cũng còn tùy từng bối cảnh mà các giá trị văn hóa cũng có những thể hiện và chi phối khác nhau. Với những khó khăn mà hướng tiếp cận giá trị có thể mang lại, kinh nghiệm điền dã đã mách bảo chúng tôi cần trở lại những loại làng xã tiêu biểu, được phân biệt trước hết theo loại hình nghề nghiệp mang tính cổ truyền (như làng nông nghiệp, làng thủ công nghiệp, làng buôn,...) và có sự tăng trưởng kinh tế khá ổn định. Nghiên cứu đã được tiến hành hai năm 2002 - 2003, trong khuôn khổ đề tài cấp Viện.

Dưới đây, chúng tôi sẽ tóm tắt một số kết quả nghiên cứu đã thực hiện.

2. Một số loại làng xã và mức tăng trưởng kinh tế qua chặng đầu đổi mới

Từ định hướng lý thuyết và áp dụng vào nông thôn châu thổ sông Hồng việc chọn ra các mẫu nghiên cứu như Ninh Hiệp, Bát Tràng (Gia Lâm - Hà Nội), Tam Sơn (Từ Sơn - Bắc Ninh), đã cho thấy các làng xã này đại diện khá tiêu biểu cho ba loại làng xã khác nhau. Các mẫu bổ sung thêm là các xã Đa Tốn (Gia Lâm - Hà Nội),

Thanh Liệt (Thanh Trì - Hà Nội). Khảo sát sơ bộ đã chỉ ra các làng xã có những nét khác nhau về loại hình kinh tế - nghề nghiệp, về tập quán tổ chức đời sống, về tín ngưỡng và sắc thái ứng xử.

Về *loại hình kinh tế - nghề nghiệp*, đó là làng buôn bán (Ninh Hiệp), làng thủ công (Bát Tràng) hay làng nông nghiệp (Tam Sơn). Nhưng tại châu thổ sông Hồng làng xã có nghề nghiệp kết hợp, hỗn hợp vẫn chiếm tỉ lệ áp đảo. Mức độ khác biệt giữa các loại làng xã tiêu biểu thể hiện rõ rệt qua qui mô hoạt động nghề nghiệp, cơ cấu thu nhập và tính cổ truyền của loại nghề. Hoạt động buôn bán tại chợ vải Ninh Hiệp thể hiện tập trung cao theo các xóm 1; 5; 4; 2 và hoạt động nông nghiệp “mang tính hình thức”¹. Nghề gốm Bát Tràng hiện nay có qui mô cả xã, làng cổ Bát Tràng không làm nghề nông. Còn ở Tam Sơn hầu hết các hộ vẫn đang chuyên canh phần ruộng khoán. Cơ cấu thu nhập chia theo ngành nghề nông - công - thương, dịch vụ có tỉ lệ tương ứng tại ở Ninh Hiệp là 6,3% - 29,12% - 63,33% (năm 1995); Bát Tràng là 2,0% - 8,0% - 90,0% (năm 2000) và Tam Sơn nông nghiệp là 89,9% phi nông là 11,1% (năm 1996). Ninh Hiệp có truyền thống buôn bán khá sớm, chợ vải có từ đời Lê Thánh Tông; Bát Tràng làm nghề gốm từ đời Trần; Tam Sơn là xã thuần nông, mới có nghề mộc phát triển gần đây. Tính cổ truyền lâu bền của loại nghề nghiệp cho phép người ta xác định được các giá trị văn hóa của nó. Các loại làng xã có thể phân biệt theo những loại văn hóa nghề nghiệp khác nhau: văn hóa thương nghiệp, văn hóa thủ công nghiệp, văn hóa nông nghiệp² và văn hóa hỗn hợp nghề. Các loại văn hóa này in lại dấu ấn tiếp theo dưới đây.

Về *tập quán tổ chức đời sống*, Ninh Hiệp từ lâu không có tục lệ phân biệt dân chính cư hay ngụ cư³ như nhiều làng xã khác. Khái niệm giữa làng nghề và làng họ khó phân biệt, vai trò của phụ nữ nổi bật... Ở Bát Tràng, thiết chế làng nghề nổi lên qua hàng loạt những qui ước thành văn hay không thành văn để giữ bí quyết nghề và đảm bảo những cố kết trong làng. Làng là thể thống nhất hợp tác của các dòng họ, ban đồng tộc đến nay còn được duy trì, vai trò nổi bật của nam giới. Còn ở Tam Sơn (và Đa Tốn, Thanh Liệt...) lại thấy như có sự xen kẽ hoặc kết hợp theo kiểu nào đó giữa hai tập quán gần như ngược nhau kể trên. Đây là những làng xã còn mang nhiều đặc điểm tổ chức của làng nông nghiệp, như nhiều tài liệu đã đề cập.

Về *tín ngưỡng*, nơi có nghề riêng như Ninh Hiệp, Bát Tràng cũng có địa điểm và nghi lễ thờ phụng tổ nghề riêng, trong khi làng nông nghiệp tổ nghề nông chỉ thể hiện nét nhạt nhòa kết hợp trong các ngày lễ hội làng. Ở Ninh Hiệp, nơi thờ tổ họ phần lớn ẩn chìm trong nhà ở thuộc vai tộc trưởng, còn ở Bát Tràng hệ thống nhà thờ họ lại được xây riêng và gìn giữ cho đến nay. Đình mỗi làng thường

¹ *Ninh Hiệp truyền thống và phát triển*. Tô Duy Hợp (chủ biên) Nxb Chính trị Quốc gia, H. 1997, tr 31).

² Các nhà nghiên cứu văn hóa khi định vị nền văn hóa Việt Nam, đã qui chiếu theo văn hóa “gốc nông nghiệp”. (Xem *Cơ sở văn hóa Việt Nam* - Trần Quốc Vương Nxb Giáo dục 2002; Trần Ngọc Thêm Nxb Giáo dục 1999). Để so sánh với các nền văn hóa khác trên thế giới thì có thể nhìn chung như vậy. Ở đây, ngay trong lòng vùng châu thổ sông Hồng, chúng tôi thấy căn chia văn hóa “gốc nghề” theo loại làng xã.

³ Có người cho rằng sự phân biệt chính cư hay ngụ cư - một đặc trưng phổ biến của làng xã cổ truyền Việt Nam - chỉ là hệ quả của tính tự trị nhằm duy trì sự ổn định của làng. (Trần Ngọc Thêm. sdd. Tr. 94).

chỉ thờ một vị thần gọi là Thành Hoàng làng (Trống làng nào làng ấy đánh. Thánh làng nào làng ấy thờ), riêng Bát Tràng thờ tới “lục vị Đại vương” (Hoàng làng là đa vị, đa nguyên).

Ngoài ra, qua ngôn ngữ chính thức hay dân gian, người ta còn thấy những sắc thái ứng xử khác nhau ở mỗi làng xã. Với Ninh Hiệp có “Quốc biến dân bất biến” (hoành phi Đình hàng xã); có câu nói lưu truyền “Dốt kẻ Nành cũng làm anh thiên hạ”. Đến Bát Tràng người ta nghe có câu “Sống làm trai Bát Tràng chết làm Thành hoàng Kiêu Kỳ”... Nó phản ánh cái ý thức riêng về sự tự chủ, tự tôn của người làng xã “vượt trội” trong cái biển mênh mông của làng nông nghiệp.

Như vậy, qua các loại làng văn hóa xã khác nhau người ta cũng tìm thấy những nét văn hóa riêng ứng với mỗi loại hình hoạt động nghề nghiệp. Một tập hợp các nét riêng ấy có thể tạo bản sắc văn hóa ở mỗi loại làng xã. Ai đã từng đến các làng như Ninh Hiệp, Bát Tràng thường có ấn tượng không bị trộn lẫn, khó quên và đó cũng là những biểu thị văn hóa được nhận thấy ngay trong đời sống sinh hoạt thường ngày.

Trong chặng đầu đổi mới vừa qua các làng xã kể trên đều có những bước phát triển kinh tế theo hướng đi lên, nhưng các mức tăng trưởng và ổn định, nhìn qua các năm, đã diễn ra khác nhau ở mỗi loại làng xã.

Nhìn qua bình quân thu nhập người tính theo năm thì Ninh Hiệp và Bát Tràng gấp từ 2 đến 3 lần so với làng xã nông nghiệp cùng khảo sát. Bát Tràng là xã có tốc độ tăng trưởng cao và khá ổn định (trên mức 10%/năm). Đây cũng là xã ít thể hiện những xáo trộn về mặt xã hội. Ninh Hiệp tuy có tăng trưởng cao nhưng còn chưa ổn định. Mức tăng trưởng cao nhất là vào những năm đầu đổi mới, vài năm gần đây buôn bán có gặp nhiều khó khăn, nhưng thu nhập từ thủ công nghiệp lại tăng nhanh. Những xáo trộn về mặt xã hội tuy diễn ra không mạnh nhưng các tệ nạn như nghiện hút đã xâm nhập đáng kể. Tam Sơn những năm đầu đổi mới, kinh tế tăng chủ yếu từ thâm canh và chăn nuôi, gần đây nguồn thu từ thủ công nghiệp lại tăng hơn do học được nghề mộc ở làng Đồng Kỳ. Những quan hệ làng, họ kiểu truyền thống bước đầu bị rạn nứt do phân chia đất đai và vai vế trong làng xã. Xã Thanh Liệt có nhiều biến đổi phức tạp nhất. Tăng trưởng kinh tế theo sản xuất thì chưa cao, nhưng do biến động thị trường đất đai ở một xã cận đô thị lớn nên kinh tế tăng đột biến. Những tranh chấp xáo trộn mọi mặt ở đây cũng diễn ra mạnh hơn, so với tất cả các làng xã chúng tôi khảo sát...

Nhìn chung, loại làng có nghề phi nông đang thể hiện thế mạnh phát triển trong chặng đầu đổi mới. Kết quả khảo sát của chúng tôi cũng khá trùng hợp với nhiều kết quả khảo sát khác, ở chỗ làng xã nào đã chuyển mạnh sang hoạt động phi nông thì thu nhập ở đó cũng tăng nhanh. Nó đặt ra vấn đề về các nguyên nhân của sự tăng trưởng kinh tế. Nguyên nhân ấy không chỉ được nhìn nhận từ vị thế bản thân mỗi loại nghề nghiệp trong bối cảnh thị trường mới, mà còn cần được giải thích ở bình diện văn hóa, những ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa làng xã.

3. Ảnh hưởng của một số yếu tố văn hóa trong sự tăng trưởng kinh tế

Những nhận thức ban đầu về tương quan khác nhau giữa các loại làng xã với mức tăng trưởng kinh tế đã hậu thuẫn đáng kể cho việc tìm ra những hình thức biểu thị và chi phối cụ thể hơn, theo từng yếu tố văn hóa của nó. Quả vậy, các yếu tố văn hóa cũng có những biểu thị theo kiểu, lối hoặc cách thức riêng, v.v... Những kiểu lối này lại được nhận thấy qua vai trò chi phối của các giá trị như là những cái được các nhóm xã hội đề cao, coi trọng và trở thành những nguyên tắc định hướng cho hành vi kinh tế.

Qua cách nhìn nhận, đánh giá về vị trí của các nghề nghiệp hiện nay, khảo sát cho thấy, mặc dù người dân các làng xã có bình chọn buôn bán là nghề đem lại thu nhập cao nhất, sau đó đến thủ công nghiệp, chăn nuôi và cuối cùng là làm ruộng, nhưng sự khác biệt giữa các loại làng xã vẫn hiện ra không chỉ ở mức độ (qua tỉ lệ số người bình chọn) mà quan trọng còn ở ý nghĩa giá trị được họ cảm nhận là thực tế hay ở dạng khả năng. Rõ ràng là khi người buôn bán ở Ninh Hiệp tự đề cao nghề thương nghiệp hay người làm gốm Bát Tràng coi trọng nghề gốm là mang ý nghĩa không giống so với người ở làng xã khác chưa hoạt động kinh tế ở các lĩnh vực phi nông này. Nó thể hiện qua những diễn giải của họ, như việc “chọn nghề”, “có nghề”, không chỉ đơn giản là làm theo truyền thống gia đình và làng xã mà còn ở “cái sở trường, cái năng lực” nghề nghiệp, ở tâm huyết gắn bó “sống chết với nghề”... của người nghề nhân. Vì vậy, nó cũng giải thích để người ta hiểu cụ thể tại sao nghề này nghề kia đối với họ lại là nghề chính.

Từ quan niệm về giá trị nghề nghiệp khác nhau, cách nhìn nhận của họ về ảnh hưởng của các yếu tố như học vấn, tay nghề - kỹ thuật và kinh nghiệm cũng khác nhau. Như khảo sát đã chỉ ra, trong khi người dân ở loại làng xã nông nghiệp còn có xu hướng đề cao *học vấn* một cách chung chung, ngay cả vấn đề học nghề cũng chưa được nhiều người hình dung rõ nét thì người thợ thủ công làng Bát Tràng đã dứt khoát coi *tay nghề - kỹ thuật* là tác nhân quan trọng nhất đến hiệu quả kinh tế, so với học vấn và kinh nghiệm. Có bàn tay điều luyện, có bí quyết hay công nghệ riêng đối với họ là một *chuẩn mực* nghề nghiệp rất quan trọng thể hiện vị thế và uy tín trong làng nghề, tất nhiên học vấn và kinh nghiệm cũng rất cần. Việc kèm cặp, dạy nghề ở Bát Tràng cũng cho thấy mối liên hệ thiết thực giữa học và hành cũng như tinh thần “tôn sư trọng đạo” đối với nghề nhân nhiều kinh nghiệm. Gần đây việc đề cao kỹ thuật ở “khâu giống” của người dân ở làng xã nông nghiệp đã làm thay đổi trật tự “nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” trong kinh nghiệm cổ truyền, nhưng vai trò của kỹ thuật vẫn chưa được họ nhận thức như là một chuẩn mực văn hóa quan trọng. Do vậy, trong các hành vi kinh tế, sự thiếu chặt chẽ giữa các tổ chức, giữa các khâu kỹ thuật hoặc sự kết hợp tản mạn nhiều việc làm vẫn thường diễn ra trong quá trình hoạt động.

Qua đó, cách suy nghĩ, cách làm và sức chi phối của nó cũng lộ ra khác nhau, có thể nhận ra các đặc điểm hoặc phân loại. Quả vậy, lối suy nghĩ linh hoạt theo thị trường và đề cao chữ tín trong quan hệ buôn bán của người Ninh Hiệp; sự đề cao kỹ

thuật, công nghệ và bản sắc “thương hiệu” gồm của người Bát Tràng đã tạo cho họ ưu thế cạnh tranh và đem lại tăng trưởng kinh tế cao. Trong khi, ở nhiều làng xã nông nghiệp, sự tăng trưởng mới được nhận thức như cần phải phát huy cho hết tiềm năng lao động - đất đai hoặc bắt đầu có sự chuyển dịch sang các việc làm phi nông. Những nhận thức về thị trường đối với họ, vì nhiều lý do còn rất khó khăn, như chỗ này là vốn, chỗ kia là giá cả vật tư còn chỗ khác là đầu ra của sản phẩm...

Qua cách thức tổ chức đời sống, những khác biệt có thể được xác định qua vai trò của vợ, chồng trong đơn vị kinh tế tự chủ và theo đó, thái độ trọng nam hay nữ cũng được biểu thị cụ thể. Quả vậy, qua các loại hình nghề nghiệp khác nhau của “kinh tế hộ” đã giúp chúng tôi nhận ra vai trò của người đàn ông và người đàn bà ở hai làng Ninh Hiệp và Bát Tràng có khác nhau rõ rệt. Tuy cùng hình thức người chồng - người cha - người đàn ông vẫn được quan niệm ở vị trí chủ hộ, nhưng vai trò của từng giới trong phát triển kinh tế - nghề nghiệp, nhìn từ thu nhập đến quản lý kế hoạch... giữa Ninh Hiệp và Bát Tràng lại gần như ngược nhau. Từ đó, những cách thức và nguyên tắc trong tổ chức đời sống gia đình cũng được thiết định khác nhau.

Trong bảng giá trị truyền thống Việt Nam, buôn bán và người làm buôn bán thường bị coi khinh (con buôn, buôn gian bán lận) nên nó nằm lại trong tay phụ nữ, như là giới có vị thế kém hơn. Nhưng cộng đồng làng Ninh Hiệp từ cổ truyền đã không bị cái nhìn coi khinh ấy chi phối. Do vậy, *phụ nữ* Ninh Hiệp lại có điều kiện để tự tổ chức các hoạt động buôn bán và họ đã thể hiện vai trò “nội tướng”, “tay hòm chìa khóa” nổi bật so với nhiều làng xã khác. Từ vai trò nổi bật ấy họ cũng được chồng con kính trọng, ngay cả trong quan hệ với họ nội, họ ngoại. Còn hoạt động thủ công nghiệp, tuy không bị xã hội chê bai như buôn bán nhưng sự phát triển có mức chuyên nghề cả làng như Bát Tràng tại sao vẫn không nhiều. Có thể thấy rõ, trong sự phát triển và gìn giữ nghề gốm ở đây vai trò của người *đàn ông* lại nổi bật và được coi trọng (sống làm trai Bát Tràng...), không chỉ vì họ là đàn ông mà quan trọng họ là người nắm giữ bí quyết phát triển kinh tế, nghề nghiệp. Như vậy, nhìn từ hiệu quả kinh tế và từ yêu cầu chuyển đổi sang nghề phi nông ở hai làng xã vượt trội này, các nguyên tắc như trọng nam hay nữ, tình hay lý... đã có những biến đổi và biểu thị cụ thể qua vai trò thực tế của các giá trị ấy. Nó còn gợi ra câu hỏi: liệu sự yếu kém chung của nền công nghiệp nông thôn có phải do vai trò còn yếu kém của giới đàn ông không? Bởi vì từ loại làng văn hóa thủ công nghiệp như Bát Tràng, người ta mới có dịp được mục kích đầy đủ cái thiết chế dòng họ vẫn đang được tôn vinh thế nào, không chỉ hệ thống các nhà thờ Họ còn được gìn giữ mà ngay trong Lễ hội làng được tái tổ chức hàng năm, nghi lễ dâng hương của các dòng họ lên các vị Thành Hoàng làng vẫn được xếp ưu tiên. Từ Bát Tràng cũng gợi cho người ta những dáng nét của công trường thủ công hay loại hình doanh nghiệp mà trong đó người chồng khẳng định vị trí rõ rệt ở vai trò là vị giám đốc, nắm giữ kế hoạch và kỹ thuật, còn người vợ đóng vai là kế toán trưởng, giúp chồng thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế.

Những khác biệt về vai trò giới trong nghề nghiệp và mức độ trọng nam/nữ khác nhau giữa hai làng xã có nghề phi nông phát triển cũng giúp phân định rõ hơn các sắc độ và sự chuyển dịch của nó trong các làng xã khác. Ở chỗ, khi trong gia đình

hoặc một số gia đình tại Tam Sơn, Đa Tốn, Thanh Liệt... vai trò kinh tế đang chủ yếu là do chồng hay vợ thì qua khảo sát, mức độ đề cao nam, nữ cũng ít nhiều tùy thuộc vào vai trò đó. Nhưng với điều kiện thiếu việc làm chung ở các làng xã nặng nông nghiệp, vị trí của đứa con lớn trong gia đình lại hiện lên đáng kể, do chúng đi làm các nghề “tự do” và mang lại phần thu từ bên ngoài làng xã. Những sức ép kinh tế, nghề nghiệp đối với người chồng là chủ hộ, đặc biệt là người chồng còn trẻ ở các làng xã này thường lớn hơn, bởi công việc đồng áng và chăn nuôi như hiện nay, người vợ vẫn có thể đảm đương hầu hết. Quan sát thấy các làng xã này đều có các nhóm thợ rủ nhau đi làm ăn xa không chỉ theo thời vụ mà còn quanh năm. Với thực trạng trên, và qua chặng đầu đổi mới trong cách thức tổ chức đời sống gia đình cũng nảy sinh thêm nguyên tắc mới, như chúng tôi đã có dịp đề cập và tạm gọi là nguyên tắc bổ khuyết⁴ nhằm thích ứng với điều kiện kinh tế hộ hiện nay.

Những chi phối từ *cách thức* và *nguyên tắc* tổ chức đời sống gia đình cũng gọi ra dáng vẻ của nó ở *quy mô làng xã*. Như đã biết, làng xã cổ truyền đã được vận hành theo những nguyên tắc tổ chức khác nhau như theo huyết thống, theo nơi cư trú, theo đơn vị hành chính, theo giáp, theo phường, hội... Thời hiện đại đã thay đổi các nguyên tắc ấy theo các tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể (phụ nữ, thanh niên, người cao tuổi, cựu chiến binh...). Nhưng cần lưu ý rằng, không phải các nguyên tắc cổ truyền đều biến mất và các nguyên tắc tổ chức mới đều thể hiện hết ý nghĩa của nó. Sự phục hồi các giá trị truyền thống; hoạt động trở lại của thiết chế dòng họ, các hội tự nguyện... và đòi hỏi cần chỉnh đốn, cải cách trong các tổ chức hiện nay đã nói lên cái phải lưu ý ấy.

Khảo sát đã cho thấy, so sánh giữa các tổ chức quần chúng thì *hội phụ nữ* vẫn được bình chọn có vai trò nổi lên trong các phong trào của làng xã. Trên thực tế, vai trò quan trọng của phụ nữ cũng như sự “kính trọng phụ nữ” có thể còn có những biến thái hay độ khúc xạ rõ nét hơn (như câu Kính vợ đấng thọ, nhất vợ nhì trời...) so với những gì mà người ta thường nói chung chung về “bình đẳng giới”. Ninh Hiệp đã cho thấy vai trò rất nổi bật của giới nữ qua tổ chức “chi hội phụ nữ chợ” - một tổ chức mang tính nghề nghiệp nhiều hơn là tổ chức xã hội theo giới. Nhưng tại Bát Tràng, khi nói về đóng góp của các tổ chức quần chúng, người dân lại nêu vai trò quan trọng của *hội (ban) đồng tộc* (nam). Đây là tổ chức nhằm liên kết lợi ích kinh tế giữa các dòng họ trong làng nghề. Như vậy, các nét riêng trong tổ chức đời sống gia đình hai làng xã này vẫn biểu hiện vai trò chi phối mạnh mẽ của nó. Với các làng xã còn lại, ngoài vai trò đáng kể chung của giới nữ, cũng tùy bối cảnh chuyển đổi mà nhóm này hay khác được nhắc đến nhiều hơn. Như ở Đa Tốn người dân nhận thấy nhóm thợ vốn đã làm nghề ở hợp tác xã hoặc xí nghiệp gốm Bát Tràng nay về mỏ lò sản xuất là lực lượng đóng góp nhiều nhất cho phát triển kinh tế làng xã. Ở Thanh Liệt, nhóm được kể thêm là thanh niên, qua vai trò xông xáo của họ mở các loại dịch vụ ở làng xã ven đô đang có tốc độ đô thị hóa cao. Còn ở Tam Sơn, cách nhìn nhận lại lưu ý phân biệt theo làng (thôn) như việc đi học và mở được nghề mộc ở một số thôn cũng

⁴ Lê Mạnh Năm: *Thu xếp ăn ở trong hộ có người cao tuổi*. Tạp chí *Xã hội học*, số 3/2001.

như tổ chức lại lễ hội theo từng làng là có sự quan tâm, đốc thúc chung từ thôn trưởng đến trưởng họ và các chi hội quần chúng.

Vai trò đóng góp khác nhau của các nhóm xã hội cho sự phát triển làng xã, dù nó được xem là nhóm chính thức hay không chính thức hoặc đóng góp của chúng là mang giá trị thực tế hay chỉ ở những phương diện nhất định, vẫn để lộ ra những nét văn hóa khác nhau, có sức chi phối khác nhau qua sự vận hành chung của các nguyên tắc tổ chức đời sống theo các loại làng xã. Qua đó, đang gợi ra những vấn đề về cái gọi là “dân chủ làng xã” hiện nay, một cách thức tổ chức đã được nhắc đến từ xã hội cổ truyền và sự phân phối các vai trò, quyền lực trong nội bộ làng xã.

Làng hiện nay vẫn còn là không gian văn hóa giúp người dân nhận diện xã hội một cách trực cảm và rõ ràng các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội. Vì thế, việc lập lại vai trò trưởng thôn (làng) là tất yếu để người làng xã thấy cụ thể ai là người thay mặt mình giải quyết các vấn đề thuộc quyền lợi và nghĩa vụ, so với người làng khác và với xã hội bên ngoài. Trong bối cảnh thị trường hiện nay, cái lợi ích cá nhân, cái giàu có được khuyến khích, đề cao. Nhưng vì cái tình⁵, rồi “tình làng nghĩa xóm” vẫn là quan trọng mà trưởng thôn vẫn phải ứng xử nước đôi giữa tình và lý, giữa làng và nước. Cũng không chỉ ở trưởng thôn, ngay một người đứng đầu ở hàng xã nông nghiệp cũng cho biết: về nguyên tắc cần phải nắm chắc cái lý nhưng khi giải quyết công việc chung, đặc biệt khi đụng chạm đến quyền lợi riêng, lại phải coi trọng cái tình trước thì mới được việc. Như vậy, âu cũng là cách ứng xử linh hoạt của cán bộ cấp cơ sở. Dù thế, không phải mọi vấn đề dân chủ cơ sở sẽ luôn được đảm bảo. Như đã thấy, làng xã cổ truyền đã vận theo những nguyên tắc tổ chức khác nhau và cũng luôn mong ước hướng tới công bằng, dân chủ. Thời bao cấp có thêm các tổ chức quần chúng nhằm động viên tinh thần làm chủ của mọi người và cũng để khẳng định cách tổ chức làm ăn tập thể. Có thể do tính hình thức của cơ chế, của cách thức dân chủ mà nhiều hiệu quả kinh tế - xã hội đã không đạt được. Ngày nay, người ta lại thấy giữa sự mong đợi và vai trò thực tế của các nhóm xã hội trong đời sống làng xã vẫn còn bất cập nên đang cần áp dụng một “qui chế dân chủ” mới để phát huy sức mạnh của mọi nguồn nội lực. Nhưng cái tình trạng bất cập, đặc biệt là sự bất cập trong việc phối hợp phát triển nghề nghiệp giữa các nhóm xã hội vẫn đang phổ biến... Qua cái được của các làng xã vượt trội và nhìn chung lại, có thể thấy văn hóa làng xã nông nghiệp đang thiếu hụt các yếu tố, các giá trị của văn hóa công nghiệp, hiện đại, thị trường dùng làm nền tảng tinh thần và có sức cổ vũ, chi phối mạnh mẽ tiếp tục cho sự tăng trưởng kinh tế một cách bền vững.

4. Kết luận, giải pháp

Chúng tôi đã chỉ ra, ngay trong lòng của vùng nông thôn châu thổ sông Hồng, từ lâu, cũng đã tồn tại các làng xã có các loại nghề nghiệp khác nhau và theo đó văn hóa làng xã cũng có thể nhìn nhận theo văn hóa nghề nghiệp khác nhau, mặc dù ở thể áp đảo, người ta vẫn có thể xem xã hội nông thôn Việt Nam là thuộc văn hóa

⁵ Có người cho rằng đặc điểm duy tình là một trong những hằng số văn hóa cổ truyền Việt Nam (xem Trần Quốc Vượng - Sdd. Tr 17).

“gốc” nông nghiệp. Đây chỉ là một hướng tìm tòi theo tiếp cận văn hóa, nhằm so sánh cái khác biệt để thấy được nguồn nội lực, động lực, mà cũng có tác giả đã hình dung chúng đã phát triển theo các mô hình khinh - trọng khác nhau⁶.

Bước đầu, chúng tôi đã phân biệt các loại làng xã có những nét riêng về loại hình kinh tế - nghề nghiệp, về tập quán tổ chức đời sống, về tín ngưỡng và cả những biểu hiện về văn hóa dân gian. Đó là một tập hợp sơ bộ những “dấu hiệu đặc trưng” theo mô hình riêng mà mỗi khi nhắc đến các làng như Bát Tràng, Ninh Hiệp... đã tạo cho người ta cái ấn tượng không lẫn lộn với những làng xã khác.

Sau nữa, khi nhìn làng như một thể thống nhất và có những thể hiện về mặt giá trị văn hóa, chúng tôi đã tìm thấy có những dạng biểu thị cụ thể hơn của chúng qua lối nhìn nhận, đánh giá, qua cách thức tổ chức đời sống cộng đồng và những quan hệ chi phối khác nhau tới sự tăng trưởng kinh tế. Cụ thể là, từ cái ý nghĩa mà giá trị nghề nghiệp đã mang lại theo dạng thức khác nhau người làng xã cũng có mức coi trọng và đánh giá vai trò chi phối của các yếu tố liên quan như học vấn, tay nghề - kỹ thuật và kinh nghiệm cũng khác nhau. Đến lượt chúng, các yếu tố này lại giúp phân định ra các lối suy nghĩ làm ăn và làm lộ ra ưu thế cạnh tranh mang lại hiệu quả khác nhau trong điều kiện thị trường. Cũng như vậy, tuy người đàn ông vẫn mang danh chủ hộ nhưng vai trò thực tế giữa vợ/chồng - nam/nữ trong từng loại nghề (nông, công, thương) và yêu cầu chuyển dịch sang nghề phi nông lại cũng biểu thị khinh trọng khác nhau, kéo theo kiểu thiết chế dòng họ và cách thức tổ chức đời sống khác nhau. Thêm nữa, người ta còn thấy các nguyên tắc tổ chức đời sống cũng đang được vận hành theo những giá trị và sự phân phối các vai trò, quyền lực khác nhau tại các loại làng xã. Qua đó, Bát Tràng và Ninh Hiệp đã hiện ra như là hai hướng chuyển đổi nội lực, phân tách vai trò động lực của văn hóa làng xã trong quá trình phát triển nông thôn. Theo cách nhìn ấy, làng xã cũng thể hiện như cộng đồng độc lập, có khả năng đối diện khác nhau với bối cảnh mới là kinh tế thị trường.

Cuối cùng, mức tăng trưởng kinh tế mạnh ở các loại làng xã phi nông như Bát Tràng, Ninh Hiệp... đã không chỉ do ưu thế về loại nghề nghiệp của nó trong điều kiện thị trường mà quan trọng là ở sự chi phối của cái mô hình văn hóa (qua lối suy nghĩ, cách tổ chức đời sống, kiểu ứng xử...) với những giá trị đã được hình thành, phản ánh những định hướng “vượt trội” so với nhiều làng xã còn nặng thuần nông.

Nghiên cứu của chúng tôi cũng chỉ ra những giải pháp mang tính định hướng và cụ thể khác nhau. Về nhận thức, cần nhìn các làng xã theo các loại hình văn hóa, có mức phân tầng và đang tạo nội lực phát triển đa dạng, khác nhau. Yêu cầu chung là phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, nhưng có ưu tiên để nhân rộng các giá trị “vượt trội”. Muốn chuyển dịch kinh tế nông nghiệp sang các lĩnh vực phi nông một cách nhanh chóng và vững chắc thì phải trang bị vốn văn hóa nghề nghiệp cần chuyển đổi. Mặc dù so với yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn, những mô hình “vượt trội” kể trên vẫn còn phải tiếp tục đổi mới, nhưng nó đã phác thảo ra

⁶ Tô Duy Hợp: *Xã hội học và phát triển nông thôn Việt Nam thách thức và triển vọng*. Tạp chí *Xã hội học*, số 3/2003, tr. 6.

các yếu tố cần phải có cho sự phát triển kinh tế - xã hội tại các làng xã nông nghiệp. Đó là: lối tư duy theo hiệu quả kinh tế thị trường; sự coi trọng kỹ thuật, công nghệ như một chuẩn mực cộng đồng; sự đề cao chữ “tín” qua quan hệ buôn bán; cách thức tổ chức đời sống linh hoạt... Đây là những yêu cầu có thể thực hiện qua cải cách của hệ thống giáo dục và truyền thông đại chúng. Ở bình diện thực tế, cần xúc tiến nhanh và cụ thể các dự án qui hoạch, mở rộng làng nghề; tạo mọi điều kiện để lôi kéo đầu tư vốn và kỹ thuật nước ngoài vào những vùng nông nghiệp; nhà nước có trực tiếp đầu tư, mở rộng xuất khẩu lao động và khuyến khích các nhóm lao động ở nước ngoài học tập và phát huy kỹ thuật, công nghệ tiên tiến... Các giải pháp cụ thể này sẽ thúc đẩy và hình thành nhanh hơn các yếu tố của văn hóa công nghiệp, hiện đại.

Tài liệu tham khảo

1. Các Đại hội Đảng VII, VIII, XIX: *Báo cáo chính trị...*
2. Phòng Xã hội học văn hóa: Kết quả khảo sát của đề tài “*Những tác động của văn hóa trong sự biến đổi kinh tế - xã hội tại các làng xã châu thổ sông Hồng*”. 2002-2003.
3. Ủy ban Quốc gia về thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa, Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam, Viện Khoa học xã hội Việt Nam: *Một số vấn đề văn hóa và phát triển Việt Nam hiện nay*. Nxb Văn hóa - Thông tin. 1992.
4. Trần Từ: *Cơ cấu tổ chức làng xã cổ truyền ở Bắc Bộ*. Nxb Khoa học xã hội. 1984.
5. Đào Duy Anh: *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh. 1992.
6. Trần Quốc Vượng (Chủ biên): *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục. Hà Nội - 2002.
7. Trần Ngọc Thêm: *Cơ sở văn hóa Việt Nam*. Nxb Giáo dục. Hà Nội - 2000.
8. Hồ Sĩ Vịnh: *Văn hóa Việt Nam trong tiến trình đổi mới*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1999.
9. Phan Ngọc: *Một cách tiếp cận văn hóa*. Nxb Thanh niên. Hà Nội - 2001.
10. Mai Quỳnh Nam: *Truyền thông và phát triển nông thôn*. Tạp chí *Xã hội học*, số 3 - 2003.
11. Tô Duy Hợp: *Xã hội học và phát triển nông thôn - thách thức và triển vọng*. Tạp chí *Xã hội học*, số 3/2003.
12. Tô Duy Hợp (chủ biên): *Ninh Hiệp, Truyền thống và phát triển*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1997.
13. Xã Bát Tràng: *Lịch sử cách mạng của Đảng bộ nhân dân xã Bát Tràng (1930 - 2000)*. 2002.
14. *Tam Sơn truyền thống và hiện đại - Đảng bộ xã Tam Sơn*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội - 1993.
15. Xã Thanh Liệt: *Lịch sử truyền thống xã Thanh Liệt*. Hà Nội - 1998.